

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Đức Hưng.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Út M, sinh năm 1965 (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Văn A, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp K, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Út M trình bày: Vào năm 1986 bà và ông Trương Văn A kết hôn, đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau). Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do ông Trương Văn A nhiều lần uống rượu, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn A.

Về con chung, có bốn người tên là Trương Thị Chúc L, sinh năm 1987, Trương Thị X, sinh năm 1988, Trương Hoàng T, sinh năm 1988 và Trương Kim H, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2001. Đối với Trương Thị Chúc L, Trương Thị X, Trương Hoàng T đều trưởng thành và tự lao động sinh sống nên bà không yêu cầu giải quyết. Riêng Trương Kim H hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, nay

bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Trương Kim H và không yêu cầu ông Trương Văn A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà và ông Trương Văn A tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Trương Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Phan Thị Út M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Út M khởi kiện ông Trương Văn A về ly hôn, tranh chấp nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời, ông Trương Văn A được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trương Văn A được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, bà Phan Thị Út M và ông Trương Văn A kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Phan Thị Út M cho rằng cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn do ông Trương Văn A nhiều lần uống rượu, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nhưng ông Trương Văn A không có ý kiến về việc bà Phan Thị Út M yêu cầu ly hôn. Xét hôn nhân của bà Phan Thị Út M và ông Trương Văn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho bà Phan Thị Út M ly hôn với ông Trương Văn A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung có bốn người tên là Trương Thị Chúc L, sinh năm 1987, Trương Thị X, sinh năm 1988, Trương Hoàng T, sinh năm 1988 và Trương Kim H, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2001. Đối với Trương Thị Chúc L, Trương Thị X, Trương Hoàng T đều trưởng thành và tự lao động sinh sống nên bà Phan Thị Út M không yêu cầu giải quyết. Riêng Trương Kim H thì bà Phan Thị Út M yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Trương Văn A cấp dưỡng nuôi con. Ông Trương Văn A không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của bà Phan Thị Út M. Đồng thời, Trương Kim H đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với bà Phan Thị Út M, để phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Từ đó, giao Phan Thị Út M là người trực tiếp nuôi dưỡng Trương Kim H được quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung bà Phan Thị Út M xác định bà và ông Trương Văn A tự thỏa thuận và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Phan Thị Út M chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân, chấp nhận cho bà Phan Thị Út M ly hôn với ông Trương Văn A.

2. Về con chung: Giao bà Phan Thị Út M là người trực tiếp nuôi dưỡng Trương Kim H, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2001. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Út M không yêu cầu ông Trương Văn A cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Bà Phan Thị Út M chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006863, ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, như vậy bà Phan Thị Út M không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Nhi